TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2026/DS-ST
Ngày: 26/6/2026
"V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Quan Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vạn Thế;

2. Ông Nguyễn Chí Công.

- Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Phát Đạt – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Trần Huỳnh Bảo Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2026 tại Phòng xét xử Toà án nhân dân khu vực 7 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2026/TLST-DS, ngày 05/3/2026, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2026/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 444/2026/QĐST-DS, ngày 10/6/2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Công ty T2 (VIỆT NAM); Địa chỉ: Số I P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ hiện nay: Số I P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Lee Yun H - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần La Ngọc H1 - Chức vụ: Trưởng Phòng tố tụng cấp cao; Địa chỉ: Số I P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh (Quyết định V/v Ủy quyền nhận sự ký tài liệu số 162/2024/QĐ-MAFC, ngày 02/4/2024).

Đại diện theo ủy quyền: Công ty L; Đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Tất T – Chức vụ Giám đốc; Địa chỉ: P Tầng D, Tòa nhà số G T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 22/2025/GUQ-MAFC, ngày 17/4/2025).

Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Lan A, sinh năm: 2000; Chức danh: Chuyên

viên pháp lý Công ty L1; Địa chỉ: P Tầng D, Tòa nhà số G T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 02/02/2025). (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm: 1989; *Địa chỉ:* Số A, ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện theo ủy quyền của Công ty T2 (VIỆT NAM) bà Nguyễn Thị Lan A trình bày:

Ngày 02/02/2024 theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5293036 của bà Nguyễn Thị Thu T1, hợp đồng điện tử chữ ký số, ký kết hợp đồng ngày 06/02/2024, lý do: Đồng ý theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng chứng thư số FPT CA của Trung tâm D - Công ty TNHH F. Công ty T2 (VIỆT NAM) đồng ý ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5293036 cho bà Nguyễn Thị Thu T1 vay số tiền 47.280.300 đồng, giải ngân ngày 06/02/2024 vào tài khoản số 0158100003270008 tại Ngân hàng TMCP P (OCB) của bà Nguyễn Thị Thu T1 số tiền 43.900.000 đồng, tiền bảo hiểm khoản vay 3.380.300 đồng, lãi suất 4,33%/ tháng, 52%/ năm, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 47 tháng, thanh toán tiền gốc lãi vào ngày 01 hàng tháng theo lịch thanh toán, tính đến ngày 25/08/2025 đã trả được gốc là 8.234.302 đồng, lãi 31.718.943 đồng, phí 12.000 đồng, tổng cộng là 39.965.245 đồng, sau đó không trả nợ theo thỏa thuận, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Công ty T2 (VIỆT NAM) yêu cầu Tòa án giải quyết bà Nguyễn Thị Thu T1 có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay vốn gốc là 39.045.998 đồng và lãi tạm tính đến ngày 30/12/2025 là 9.165.011 đồng (trong đó: tiền lãi trong hạn là 8.300.057 đồng, tiền lãi quá hạn (lãi trên nợ gốc bị quá hạn) là 655.344 đồng, tiền lãi chậm trả là 209.610 đồng), tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 48.211.009 đồng và phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 31/12/2025 theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5293036 cho đến khi thanh toán nợ xong.

- Bị đơn Nguyễn Thị Thu T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án mà vẫn vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

- Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng.

- Về phần nội dung: Về đường lối giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ,

phù hợp thực tế, đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Công ty T2 (VIỆT NAM) khởi kiện chị Nguyễn Thị Thu T1 yêu cầu trả tiền vay còn nợ, xác định đây là vụ án "Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Đương sự khi ký kết hợp đồng địa chỉ nơi cư trú tại ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nay là ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp, cho nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Thu T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của Công ty T2 (VIỆT NAM) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Thu T1 có nghĩa vụ trả vốn vay là 39.045.998 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/12/2025 là 9.165.011 đồng, tổng cộng vốn lãi là 48.211.009 đồng và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 31/12/2025 theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5293036, ngày 02/02/2024 cho đến khi chị T1 thanh toán nợ xong.

Chứng cứ chứng minh là đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5293036, ngày 02/02/2024 của Nguyễn Thị Thu T1, hợp đồng điện tử chữ ký số, ký kết hợp đồng ngày 06/02/2024, lý do: Đồng ý theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng chứng thư số FPT CA của Trung tâm D-Công ty TNHH F. Công ty T2 (VIỆT NAM) giải ngân ngày 06/02/2024 chuyển tiền cho vay vào tài khoản số 0158100003270008 tại Ngân hàng TMCP P (OCB) của chị Nguyễn Thị Thu T1. Kèm theo hồ sơ vay là bản photo căn cước công dân của chị Nguyễn Thị Thu T1 và hình ảnh chân dung của khách hàng là Nguyễn Thị Thu T1 khi giao kết hợp đồng điện tử.

Trong quá trình Tòa án giải quyết, thu thập chứng cứ, Tòa án đã triệu tập chị Nguyễn Thị Thu T1 hợp lệ và Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng chị Nguyễn Thị Thu T1 vắng mặt không có lý do, không có văn bản phản bác cũng như tài liệu chứng cứ để xác định về số tiền vay theo yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 (VIỆT NAM) là phù hợp hay không nên Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào tài liệu do Công ty T2 (VIỆT NAM) cung cấp để làm cơ sở giải quyết vụ án. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xác định chị Nguyễn Thị Thu T1 có vay tiền của Công ty T2 (VIỆT NAM) và còn nợ Công ty

T2 (VIỆT NAM) vốn vay là 39.045.998 đồng. Công ty T2 (VIỆT NAM) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Thu T1 trả vốn vay còn nợ là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đối với tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn và lãi chậm trả được thể hiện tại tiểu mục 3.7, 3.8, mục 8 của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5293036, ngày 02/02/2024. Công ty T2 (VIỆT NAM) yêu cầu Nguyễn Thị Thu T1 trả tiền lãi tạm tính đến ngày 30/12/2025, tiền lãi phát sinh trong hạn: 8.300.057 đồng, tiền lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 655.344 đồng, tiền lãi chậm trả: 209.610 đồng và tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 31/12/2025 cho khi thanh toán hết nợ vay theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5293036, ngày 02/02/2024 là phù hợp quy định của pháp luật nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, phù hợp quy định tại các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định.

Điều 463 của Bộ luật dân sự quy định:

"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định".

Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định về Nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;...

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định:

1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích và nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty T2 (VIỆT NAM); Buộc chị Nguyễn Thị Thu T1 có nghĩa vụ trả cho Công ty T2 (VIỆT NAM) vốn vay là 39.045.998 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/12/2025 là 9.165.011 đồng, tổng cộng vốn lãi là 48.211.009 đồng và phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 31/12/2025 theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5293036, ngày 02/02/2024 cho đến khi thanh toán nợ xong.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét thấy ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 95, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 3, Điều 4, Điều 13, Điều 18, Điều 20, Điều 21 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty T2 (VIỆT NAM).

2. Buộc chị Nguyễn Thị Thu T1 có nghĩa vụ trả cho Công ty T2 (VIỆT NAM) vốn vay là 39.045.998 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/12/2025 là 9.165.011 đồng, tổng cộng tiền vốn, tiền lãi là 48.211.009 đồng và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 31/12/2025 theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5293036, ngày 02/02/2024 cho đến khi thanh toán nợ xong.

3. Về tạm ứng án phí, án phí:

- Công ty T2 (VIỆT NAM) không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty T2 (VIỆT NAM) tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.205.000 đồng theo biên lai số 0003080, ngày 04/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

- Chị Nguyễn Thị Thu T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.411.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Cùng cấp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quan Nam